TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 379/2023/HC-PT
Ngày 22/11/2023
Về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tiến, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Hòa Bình - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 211/2023/TLPT-HC ngày 06/10/2023 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 168/2023/QĐ-PT ngày 06/11/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện: ông Lê Huy T, sinh năm 1945; địa chỉ: thôn T, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là anh Lê Huy D, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là Luật sư Trương Quang T1 – Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hữu H – Phó Chủ tịch UBND huyện L, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của bà C*:* Anh Hoàng Kim T2, sinh năm 1994; địa chỉ thôn T, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 02/4/2023 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Lê Huy T *trình bày:* Ngày 25/12/2006, Ủy ban nhân dân huyện L cấp vợ chồng ông Lê Huy T *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 21, xã S, huyện L, diện tích 5.016m^2. Năm 2010, UBND huyện L cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* cho vợ chồng ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị C đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 21, xã S, huyện L diện tích 2.984m^2, liền kề thửa đất của vợ chồng ông T, nhưng do không kiểm tra nên đã cấp chồng lên thửa đất số 76 của vợ chồng ông T diện tích 50m^2 (10m x 5m); do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện L đã cấp cho ông S, bà C.

- *Người bị kiện là* UBND huyện L *trình bày:* Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L chỉ lưu trữ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị C, không tìm thấy hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Huy T, bà Nguyễn Thị B đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 21 xã S; do đó, UBND huyện L không đủ cơ sở để có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Huy T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà* Nguyễn Thị C *(vợ ông* Hoàng Kim S*) trình bày:* Vợ chồng Bà sinh sống trên thửa đất 133, tờ bản đồ số 21 xã S, huyện L từ năm 1991 không có tranh chấp. Năm 2010 Ông Bà được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BC 953279 đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 21 diện tích 2.984m^2 nên Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Huy T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 03/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; điểm d khoản 1Điều 100Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án,xử:

1. Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Lê Huy T *về việc yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 953279 ngày 27/9/2010 của* Ủy ban nhân dân huyện L *cấp cho ông* Hoàng Kim S*, bà* Nguyễn Thị C*, tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 21* xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình*; với diện tích 2.984m^2*

2. Ông Lê Huy T *phải chịu 6.700.000 đồng tiền chi phí tố tụng (ông* T *đã nộp đủ).*

3. Ông Lê Huy T *không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.*

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 10/8/2023 ông Lê Huy T kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lê Huy T giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Diện tích đất thực tế vợ chồng ông S, bà C sử dụng nhiều hơn diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận, trong khi diện tích đất vợ chồng ông T đang sử dụng thiếu so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, nhưng đã bác yêu khởi kiện của ông Lê Huy T là chưa đủ căn cứ nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm lại.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 15/12/2006, ông Lê Huy T, bà Nguyễn Thị B được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số AG 453430 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 21 diện tích 5.016m^2 tại xã S, huyện L. Ngày 27/9/2010 ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị C được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số BC 953279 đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 21 diện tích 2.984m^2 tại xã S, huyện L (bút lục A, 58). Tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Huy T trình bày tháng 9 năm 2023 ông T mới biết việc UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC953279 ngày 27/9/2010 cho ông S, bà C đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 21 xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình chồng lên diện tích đất của ông T; trong khi đó bà Nguyễn Thị C cho rằng ông T khởi kiện khi đã hết thời hiệu khởi kiện vì từ nhiều năm nay ông T đã tranh chấp ranh đất với vợ chồng bà C, nhưng bà C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T biết UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 953279 ngày 27/9/2010 cho vợ chồng bà C đối với thửa đất số 133 chồng lên đất của ông T nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không chấp nhận trình bày của bà C mà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định ngày 02/4/2023 ông T khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 3 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Kết quả xem xét, thẩm định ngày 04/7/2023 (bút lục 67-70) thể hiện:

[2.1]. Diện tích đất đo theo dẫn đạc của ông T tại các điểm 2, 7, 10, 37 và 26 trên Sơ đồ có diện tích 4.647,2m^2 (đã trừ 91,1m^2 đất lô cốt); trong khi theo tờ bản đồ số 21 xã S phê duyệt năm 2006 và toạ độ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện L đã cấp cho ông T ngày 25/12/2006 tại các điểm 38, 4, 5, 6, 8, 9, 11, 34, 33, 32, 31 và 25 (bao trùm cả diện tích lô cốt 91,1m^2) có tổng diện tích 5.016m^2. Theo Bản đồ địa chính phê duyệt năm 2017 thì diện tích đất dự định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T tại các điểm 1, 4, 5, 7, 8, 12, 21, 22 và 23 có diện tích 5.080,8m^2 (lớn hơn diện tích đất ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006).

[2.2]. Diện tích đất đo theo dẫn đạc của bà C tại các điểm 27, 15, 18, 20 và 24 trên sơ đồ có diện tích 3.548,7m^2; trong khi theo tờ bản đồ số 21 xã S được phê duyệt năm 2006 và tọa độ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện L cấp cho ông S, bà C ngày 27/9/2010 tại các điểm 25, 11, 17, 21 và 23 có diện tích 2.954m^2. Theo bản đồ địa chính phê duyệt năm 2017 thì diện tích đất dự định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C tại các điểm 23, 16, 14, 12, 11, 30, 27 và 26 có diện tích 2.771,5m^2 (giảm so với diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận năm 2010).

[2.3]. Căn cứ kết quả thẩm định; căn cứ Tờ bản đồ địa chính số 21 xã S phê duyệt năm 2006; Sơ đồ mốc giới thửa đất bà C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010; Sơ đồ mốc giới thửa đất ông T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 thì không có việc UBND huyện L cấp đất cho bà C năm 2010 chồng lấn mốc giới thửa đất cấp cho ông T năm 2006; hiện nay, đã có Bản đồ địa chính lập năm 2017, nhưng cả hai bên chưa thực hiện việc cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo tờ bản đồ phê duyệt năm 2017 mà vẫn giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp lần đầu; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Huy T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện L cấp cho vợ chồng ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị C ngày 27/9/2010 đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 21 xã S, huyện L là có căn cứ, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Lê Huy T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2.4] Nếu trên thực tế có việc gia đình ông S, bà C sử dụng lấn chiếm diện tích đất ông Lê Huy T được cấp Giấy chứng nhận năm 2006 thì ông T có quyền khởi kiện vụ án dân sự đòi đất bị lấn chiếm theo quy định của pháp luật.

Ông T là người cao tuổi và có công với cách mạng nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Lê Huy T, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

Áp dụng khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; điểm d khoản 1Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Lê Huy T về việc yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 953279 ngày 27/9/2010 của Ủy ban nhân

dân huyện L cấp cho ông Hoàng Kim S, bà Nguyễn Thị C, tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 21 xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; với diện tích 2.984m^2

2. Ông Lê Huy T phải chịu 6.700.000 đồng tiền chi phí tố tụng (ông T đã nộp đủ).

3. Ông Lê Huy T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: ông Lê Huy T được miễn nộp.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân